

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 208/TTr-SKH-CN ngày 21 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường quyết định ban hành kế hoạch cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả; định kỳ hàng quý, năm báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ

để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch với UBND tỉnh để có giải pháp chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Ban Chỉ đạo 1287 tỉnh (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Phòng TCHCQT;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Hà.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hoàn thành các mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, thúc đẩy quá trình phát triển đô thị thông minh; phấn đấu vị trí xếp hạng chuyển đổi số (DTI) của tỉnh đạt mức khá trong các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc;
- Tập trung huy động nguồn lực đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh một cách toàn diện, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, tập trung vào phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; số hóa dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành; đào tạo phát triển nguồn nhân lực số; ứng dụng, dịch vụ mới theo

hướng dùng chung hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp thông tin cho người dân, quản lý dân cư, phục vụ người dân và doanh nghiệp;

- Xác định rõ và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị là một trong tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của năm.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Nâng cao vai trò hoạt động của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (*Ban Chỉ đạo 1287*) và Ban Chỉ đạo của các Sở, ban, ngành, địa phương; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số ở các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; chủ tịch UBND các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh;

- Các cấp, các ngành tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về các chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo phương châm: “*Nhận thức đóng vai trò quyết định; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; nền tảng số là đột phá; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin là then chốt; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công trong chuyển đổi số*”;

- Xác định chuyển đổi số là “động lực” quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và có tính động, tính mở để phù hợp, đúng với định hướng, chỉ đạo của Trung ương trong từng giai đoạn phát triển; là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành và địa phương;

- Kiểm tra, giám sát của các cấp chính quyền đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về chương trình chuyển đổi số;

- Quyết định ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025-2030. Lồng ghép chiến lược tổng thể, nội dung phát triển hạ tầng số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm;

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030;

- Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng; cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng thủ tục hành chính trực tuyến;

- Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Sơn La, phiên bản 4.0.

3. Hạ tầng số

- Hình thành Trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao; xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số, dữ liệu số;

- Đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại một số cơ quan, đơn vị; Rà soát nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC;

- Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng, phủ sóng 4G/5G; triển khai các nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử;

- Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (*LGSP*) của tỉnh. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (*dân cư, đất đai, doanh nghiệp...*) trên nền tảng chung, tích hợp với AI;

- Đầu tư, thiết lập Hệ thống đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tuyên truyền ở cơ sở. Đầu tư phòng thu phát thanh trực tiếp và Studio đa phương tiện;

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (*IoT, AI, GIS...*) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững;

- Triển khai Đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,... (*của Trung ương*).

4. Nhân lực số

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai chuyển đổi số từ tỉnh đến cơ sở;
- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số”;
- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho cán bộ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, Tổ chuyên đổi số cộng đồng. Phối hợp triển khai, tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức nhằm nâng cao về kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo Cao đẳng, Đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển dữ liệu số

- Thực hiện cập nhật và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu quy mô toàn quốc theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh, bao gồm: (1) CSDL quốc gia về dân cư; (2) CSDL quốc gia về đất đai; (3) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (4) CSDL quốc gia về tài chính; (5) CSDL quốc gia về bảo hiểm; (6) CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước; (7) CSDL quốc gia về thủ tục hành chính; (8) CSDL tổng hợp quốc gia; (9) CSDL quốc gia về hoạt động xây dựng; (10) CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh;
- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh;
- Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục tại Quyết định số 1527/QĐ-BKHCN ngày 29/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số;
- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường...;
- Duy trì Cổng Dữ liệu mở tỉnh Sơn La; cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành;
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng;
- Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (*đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...*); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp;

- Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai. Số hóa trong công tác kiểm tra kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp. Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin theo Kế hoạch 261/KH-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2025;

- Xây dựng và ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng; kế hoạch đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố; kế hoạch ứng phó sự cố; kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn;

- Thực hiện rà soát các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh để thực hiện phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm cấp độ an toàn hệ thống thông tin;

- Duy trì Hệ thống Giám sát an ninh mạng, quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ;

- Duy trì và mở rộng Hệ thống phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung cho trên 7.000 máy trạm của cán bộ, công chức, viên chức ở các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, phường;

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung ương (*Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ*);

- Tổ chức kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng trên địa bàn tỉnh;

- Đầu tư Hệ thống an toàn thông tin theo cấp độ của một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

7. Chính quyền số

- Tiếp tục duy trì các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh như: Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã, phường; Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hệ thống Cổng thông tin điện tử; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống thông tin phục vụ họp (*eCabinet*)... đảm bảo các hệ thống hoạt động ổn định, được khai thác thường xuyên, liên tục, phục vụ hiệu quả cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp;

- Triển khai các Hệ thống thông tin chuyên ngành: Duy trì Hệ thống thông tin hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số tỉnh Sơn La; Phần mềm quản lý, lập kế hoạch thanh tra và xử lý chống chéo thanh tra; Hệ thống đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 cấp THPT; Phần mềm quản lý chương trình đào tạo, bồi

dưỡng; phần mềm quản lý học viên; Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh; Phần mềm chuyển đổi số cho hệ thống hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La; Chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La; Hệ thống thông tin Quản lý ngân sách tỉnh Sơn La;

- Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh;

- Số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng từ bản giấy sang bản điện tử để lưu trữ, bảo quản lâu dài phục vụ cho việc tra cứu, tiếp cận, chia sẻ các thông tin về hồ sơ giải quyết TTHC trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện (cũ), cấp xã;

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định. Tổ chức thực hiện khai thác hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Sơn La, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh. Tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu, phát triển mối quan hệ tương tác giữa Hệ thống giám sát, điều hành thông minh và các Hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành.

8. Kinh tế số

- Thực hiện các giải pháp phát triển thương mại điện tử theo Kế hoạch phát triển thương mại điện tử được UBND tỉnh phê duyệt;

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (*quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...*);

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức;

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

9. Xã hội số

- Thành lập, kiện toàn, duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng theo mô hình chính quyền sau sắp xếp, sáp nhập. Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế, xã hội; Tổ Ứng cứu Công nghệ và Nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết TTHC tại xã, phường;

- Triển khai mô hình phòng học thông minh, hỗ trợ, hướng dẫn triển khai chương trình dạy và học theo mô hình phòng học thông minh; chú trọng tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho giáo viên và trang bị đủ thiết bị, phần mềm tại các trường

học trên địa bàn tỉnh. Triển khai Học bạ số cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Triển khai mô hình bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử tại các bệnh viện cấp tỉnh. Triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa;

- Triển khai Nền tảng số Du lịch thông minh phục vụ cơ quan quản lý, cơ sở du lịch và du khách;

- Thực hiện chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Phát triển thanh toán số, triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số;

- Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động.

10. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Các cấp, các ngành, các doanh nghiệp thường xuyên tuyên truyền về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân về chủ trương của Đảng, nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị về chuyển đổi số;

- Việc tuyên truyền về chuyển đổi số cần linh hoạt, sáng tạo, đổi mới bằng nhiều hình thức, phương thức khác nhau, nội dung cần ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực với người dân, doanh nghiệp như: Xây dựng, phát hành các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương; thông qua các hội nghị, hội thảo, hội thi, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025; thông qua việc chia sẻ các sáng kiến, cách làm hay, mô hình điển hình hiệu quả về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân; thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn của Tổ công nghệ số cộng đồng. Triển khai phát động phong trào thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030;

- Đẩy mạnh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”, “Chuyển đổi số tỉnh Sơn La” trên Cổng, Trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội, qua đó thường xuyên chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

(chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội;
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở;
- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học;
- Triển khai các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; phát động và triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

2. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhân sự phụ trách nhiệm vụ chuyển đổi số từ tỉnh đến xã, cơ quan, đơn vị

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan, địa phương, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số;
- Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, thành lập tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ tại 100% xã, phường. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang, giáo viên, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia hỗ trợ nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số;
- Tăng cường tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức tại các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường về chuyển đổi số, kỹ năng số, kỹ năng phân tích dữ liệu và công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng. Lồng ghép nội dung phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số vào chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở.

3. Thu hút nguồn lực CNTT

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin;
- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng số;

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh;

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

4. Giải pháp về vốn

- Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (*Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp*);

- Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển đổi số, các ứng dụng dùng chung của tỉnh theo dự toán đã được giao cho các cơ quan, đơn vị;

- Các cơ quan, đơn vị chủ động bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương, phù hợp chủ trương, định hướng của tỉnh;

- Huy động nguồn lực của các Tập đoàn viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng số. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

5. Tăng cường hợp tác

Tổ chức các đoàn công tác đi học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thống nhất chỉ đạo triển khai các chương trình, dự án về chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước để tránh chồng chéo, lãng phí;

- Chủ trì, tham mưu Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xây dựng Kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của các Sở, ban, ngành, xã, phường, báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý kịp thời;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm, nền tảng dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, đánh giá hiệu quả sử dụng để nhân rộng.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí đảm bảo thực

hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch chuyển đổi số và các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm cho các đơn vị sau khi có đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan và theo chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành có thẩm quyền; đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số trình UBND tỉnh phê duyệt (nếu có).

4. Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương, xây dựng hoặc bổ sung Kế hoạch chuyển đổi số đơn vị, địa phương mình đảm bảo phù hợp với Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh, **hoàn thành trước ngày 10/8/2025**. Chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch thuộc cơ quan, đơn vị, lĩnh vực quản lý;

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; thực hiện tự kiểm tra, theo dõi tình hình triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc;

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp vị trí việc làm, phân công cán bộ lãnh đạo, chuyên viên có năng lực tham mưu, kiến thức chuyên môn làm đầu mối phụ trách lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng đáp ứng yêu cầu về chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Sơn La;

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị;

- Khi đầu tư dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các nền tảng, phần mềm do Bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp Tỉnh đến Trung ương;

- UBND các xã, phường chủ động bố trí chi ngân sách thường xuyên của cấp xã để triển khai chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; Trung tâm thông tin tỉnh

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

6. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ hàng quý (*trước ngày 05 tháng cuối quý*) hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện đến hết tháng 6/2025
I	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ		
1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	≥ 0.66	-
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	$\geq 70\%$	-
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100%	-
4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	$\geq 70\%$	-
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	$\geq 95\%$	87,47%
6	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100%	46,25%
7	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	$\geq 70\%$	30,87%
8	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	66,67%	66,67%
9	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	$\geq 50\%$	44,4%
10	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung của các Sở, ban, ngành được kết nối, chia sẻ, tích hợp với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	$\geq 20\%$	0%
11	Tỷ lệ mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội	100%	13,48%
12	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	0%
13	Tỷ lệ chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	$\geq 60\%$	-
14	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã phải xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc	100%	90%; 75%
15	Tỷ lệ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung	100%	70%

II	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ		
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	8%	6,76%
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	Tối thiểu 10%	Chưa có phương pháp xác định
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương ứng dụng công nghệ số	$\geq 30\%$	Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp thuế điện tử
III	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ, HÌNH THÀNH XÃ HỘI SỐ, THU HẬP KHOẢNG CÁCH SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN		
1	Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh	100%	96,39%
2	Tỷ lệ phủ mạng băng rộng cố định (<i>cáp quang</i>)	80% hộ gia đình	55,05%
3	Phổ cập dịch vụ mạng di động tốc độ cao (<i>4G/5G</i>)	100% dân số được phủ sóng 4G; $\geq 15\%$ dân số được phủ sóng 5G	97,25%
4	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	$\geq 60\%$	-
5	Tỷ lệ người sử dụng Internet	63%	60,9%
6	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (<i>VNeID</i>)	$\geq 50\%$	46,3%
7	Tỷ lệ người trưởng thành (<i>từ 15 tuổi trở lên</i>) có tài khoản thanh toán điện tử (<i>tài khoản giao dịch tại ngân hàng</i>)	90%	88,05%
8	Hình thành Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh, giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Sử dụng hệ thống hiện có	Hệ thống SOC tỉnh Sơn La
IV	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC		
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	2%
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	$\geq 80\%$	-
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	80%	-
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số	80%	-
4.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế	80%	-

4.2	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giáo dục</i>	80%	-
4.3	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong bảo hiểm</i>	80%	-
4.4	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giao thông</i>	80%	-

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
I	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát				
1	Ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số thuộc ngành, lĩnh vực quản lý	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Cơ quan, đơn vị có liên quan	Các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số	Năm 2025
2	Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thông tin công khai, tuyên truyền rộng rãi trên báo, đài và hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội	Năm 2025
3	Kiểm tra, giám sát một số sở, ngành, UBND xã, phường đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả kiểm tra	Năm 2025
4	Tự kiểm tra việc thực hiện Chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả tự kiểm tra	Năm 2025
II	Thể chế, chính sách số				
1	Quyết định ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025-2030. Lồng ghép chiến lược tổng thể, nội dung phát triển hạ tầng số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định, Kế hoạch phát triển KT-XH có lồng ghép nội dung phát triển hạ tầng số	Năm 2025

2	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định	Năm 2025
3	Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ban hành Danh mục	Đã hoàn thành (Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)
4	Nghiên cứu, đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở Tài Chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nghị quyết, Quyết định	Năm 2025
5	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng thủ tục hành chính trực tuyến	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Nghị quyết, Quyết định	Năm 2025
6	Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Sơn La, phiên bản 4.0	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định	Năm 2025
III	Hạ tầng số				
1	Hình thành Trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao; xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số, dữ liệu số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định	Năm 2025
2	Đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025

3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại một số cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
4	Rà soát nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
5	Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng, phủ sóng 4G/5G; triển khai các nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử	Viettel Sơn La, VNPT Sơn La, Mobifone Sơn La	UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
6	Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (<i>dân cư, đất đai, doanh nghiệp...</i>) trên nền tảng chung, tích hợp với AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	Nền tảng LGSP của tỉnh tích hợp, liên thông CSDL dân cư, đất đai, doanh nghiệp	Năm 2025
7	Đầu tư, thiết lập Hệ thống đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tuyên truyền ở cơ sở	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2025
8	Đầu tư phòng thu phát thanh trực tiếp và Studio đa phương tiện	Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
9	Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2025

10	Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (<i>IoT, AI, GIS...</i>) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
11	Triển khai Đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,... <i>(của Trung ương)</i>	Các sở, ban, ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch triển khai Đề án	Sau khi có Quyết định của Chính phủ <i>(dự kiến Tháng 9/2025)</i>
IV	Nhân lực số				
1	Kiến tạo tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai chuyển đổi số từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định	Năm 2025
2	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch	Đã ban hành <i>(Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh)</i>
3	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số”	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch	Năm 2025

4	Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, ứng dụng trí tuệ nhân tạo <i>(theo chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch	Năm 2025
5	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho cán bộ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, Tổ chuyển đổi số cộng đồng	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2025
6	Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo Cao đẳng, Đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các trường Đại học, Cao đẳng, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan, đơn vị có liên quan	Chương trình, báo cáo kết quả đào tạo	Năm 2025
V	Dữ liệu số				
1	Phối hợp với các Bộ, ngành triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu quy mô toàn quốc	Các sở, ban, ngành chủ trì quản lý, cập nhật dữ liệu, UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả cập nhật dữ liệu của tỉnh	Năm 2025
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025

3	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục tại Quyết định số 1527/QĐ-BKHCN ngày 29/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
4	Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường...	Các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Xây dựng	UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
5	Duy trì Cổng Dữ liệu mở tỉnh Sơn La; cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	Dữ liệu cung cấp trên Cổng Dữ liệu mở	Năm 2025
6	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các sở, ban, ngành	UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
7	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	9/2025

8	Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các sở: Tư pháp, Giáo dục, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Dữ liệu các lĩnh vực: tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2025
9	Số hóa trong công tác kiểm tra kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Sở Công thương	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
10	Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	Sở Nội vụ	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
VI	An toàn thông tin mạng				
1	Xây dựng và ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Quyết định ban hành Quy chế	Năm 2025
2	Xây dựng kế hoạch đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	Năm 2025
3	Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	Năm 2025
4	Xây dựng kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	Năm 2025

5	Rà soát các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh để thực hiện phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn thông tin	Năm 2025
6	Duy trì hệ thống Giám sát an ninh mạng (SOC) của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Hệ thống SOC của tỉnh	Năm 2025
7	Duy trì và mở rộng Hệ thống phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hệ thống phòng, chống mã độc của tỉnh	Năm 2025
8	Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung ương (<i>Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ</i>)	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kết nối với Hệ thống giám sát của Trung ương	Năm 2025
9	Kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Các cuộc kiểm tra, diễn tập	Năm 2025
10	Đầu tư Hệ thống an toàn thông tin theo cấp độ của một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Hệ thống an toàn thông tin theo cấp độ tại các cơ quan, đơn vị	Năm 2025
VII	Chính quyền số				
1	Duy trì các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh				
1.1	<i>Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã</i>	<i>Sở Khoa học và Công nghệ</i>	<i>Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường</i>	<i>Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả</i>	<i>Năm 2025</i>

1.2	Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.3	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.4	Hệ thống Cổng thông tin điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.5	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.6	Hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.7	Hệ thống thông tin phục vụ họp (eCabinet)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2	Triển khai các Hệ thống thông tin chuyên ngành				
2.1	Duy trì Hệ thống thông tin hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.2	Phần mềm quản lý, lập kế hoạch thanh tra và xử lý chống chéo thanh tra	Thanh tra tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025

2.3	Hệ thống đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 cấp THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.4	Phần mềm quản lý chương trình đào tạo, bồi dưỡng; phần mềm quản lý học viên	Trường Chính trị tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.5	Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.6	Phần mềm chuyển đổi số cho hệ thống hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.7	Chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.8	Hệ thống thông tin Quản lý ngân sách tỉnh Sơn La	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
3	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Năm 2025
4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025

5	Duy trì Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh; Tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu, phát triển mối quan hệ tương tác giữa Hệ thống giám sát, điều hành thông minh và các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
VIII	Kinh tế số				
1	Thực hiện các giải pháp phát triển thương mại điện tử theo Kế hoạch phát triển thương mại điện tử được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (<i>quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...</i>)	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các đơn vị cung cấp giải pháp số	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
3	Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
4	Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
IX	Xã hội số				
1	Thành lập, kiện toàn, duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng theo mô hình chính quyền sau sắp xếp, sáp nhập	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định thành lập, kiện toàn các Tổ chuyên đổi số cộng đồng	Năm 2025
2	Triển khai mô hình phòng học thông minh	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025

3	Triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
4	Triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Nền tảng số Y tế	Năm 2025
5	Triển khai Nền tảng số Du lịch thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	Nền tảng số Du lịch	Năm 2025
6	Chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Sơn La	UBND các xã, phường	Sở Y tế	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
7	Phát triển thanh toán số, triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Ngân hàng nhà nước khu vực 3	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
8	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Chương trình/Kế hoạch	Năm 2025
9	Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động	UBND các xã, phường	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng; Tổ chuyên đổi số cộng đồng	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
X	Nhận thức số				

1	Phát động phong trào thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch	Đã hoàn thành (<i>Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 21/6/2025 của UBND tỉnh</i>)
2	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	Tháng 10/2025
3	Xây dựng, phát hành các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Tin, Video clip, Infographic	Năm 2025
4	Xây dựng phóng sự phát thanh, truyền hình tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La, Trung tâm thông tin tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Phóng sự phát thanh, truyền hình	Năm 2025
5	Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị có liên quan	Hội nghị, hội thảo, tọa đàm...	Năm 2025

Phụ lục III
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ CẦN NHU CẦU BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Nhu cầu kinh phí	Ghi chú
	Tổng cộng				52.000	
1	Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các nền tảng, dữ liệu	1.000	
2	Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	1.000	
3	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp	1.000	
4	Triển khai hạ tầng và thiết bị CNTT đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW	Các sở, ban, ngành, xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Hạ tầng, trang thiết bị CNTT tại các cơ quan, đơn vị	22.500	
5	Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	Sở Nội vụ	Các đơn vị có liên quan	Tài liệu được số hóa	3.000	
6	Triển khai hồ sơ Bệnh án điện tử trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025-2026	Sở Y tế	Các đơn vị có liên quan	Hồ sơ Bệnh án điện tử	18.000	
7	Chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hệ thống, dữ liệu bản đồ số	3.500	
8	Hệ thống thông tin Quản lý ngân sách tỉnh Sơn La	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hệ thống quản lý ngân sách từ tỉnh đến xã	1.000	
9	Nền tảng số Du lịch thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các xã, phường	Nền tảng số Du lịch thông minh	1.000	